

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **32/2017/HNGĐ -ST**

Ngày: 31/7/2017

V/v tranh chấp: Ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Đức
2. Bà Đặng Thị Nhác

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2017/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXX ngày 26 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 57 ngày 14/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T - Sinh năm: 1985.

HKTT: Tổ 22 phường T, quận L, Hà Nội.

Hiện trú tại: Số 6 ngách 44/19 phố Đ, tổ 18 phường T, quận L, Hà Nội.

(Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh L - Sinh năm: 1985.

HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 22 phường T, quận L, Hà Nội.

(Anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Mạnh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận L, TP. Hà Nội ngày 29/12/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 22 phường T, quận L, TP. Hà Nội cùng gia đình anh L. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã nguyên nhân là do anh L rượu chè, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đến giữa năm 2013, chị T đưa con gái về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở tổ 18 phường T, quận L, Hà Nội. Hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Quá trình sống ly thân, anh L cũng không hỏi han, quan tâm gì đến hai mẹ con chị. Tháng 9 năm 2015, anh L bỏ nhà đi không rõ lý do, không ai biết anh L đang làm gì, ở đâu. Tháng 5 năm 2016, chị T đã phải tiến hành làm thủ tục tuyên bố tìm kiếm vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh L, trong đó có đăng báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng đến nay đã nhiều tháng mà anh L vẫn không về nhà. Hiện nay chị thấy cuộc sống hôn nhân như vậy không có hạnh phúc, chị xác định không còn tình cảm với anh L, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 22/8/2012. Khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trà M, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị T đang là nhân viên kế toán của công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ kỹ thuật V, thu nhập hàng tháng là 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án xem xét và giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị khẳng định không nợ ai và không cho ai vay, nếu sau này phát sinh tranh chấp chị xin tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Mạnh L: Tòa án nhân dân quận Long Biên đã ra quyết định giải quyết việc dân sự về yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Nguyễn Mạnh L theo quyết định số 09/2016/QĐST-VDS ngày 25 tháng 5 năm 2016. Quá trình tiến hành tố tụng, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:** Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của

pháp luật tổ tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh L vắng mặt, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Mạnh L. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 22/8/2012. Khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trà M. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: do không có tranh chấp, không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bị đơn là anh Nguyễn Mạnh L có HKTT và nơi cư trú cuối cùng tại tổ 22 phường T, quận L, Hà Nội nên việc TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 40 BLTTDS.

Việc nguyên đơn là chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày có trong hồ sơ vụ án thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 điều 227 BLTTDS, nên chấp nhận.

Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh L: Tòa án nhân dân quận Long Biên đã ra quyết định giải quyết việc dân sự về yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Nguyễn Mạnh L theo quyết định số 09/2016/QĐST-VDS ngày 25 tháng 5 năm 2016. Quá trình tiến hành giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Long Biên đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh L vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L là phù hợp quy định tại điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Mạnh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận L, Hà Nội ngày 29/12/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh L ham chơi, rượu chè, không quan tâm tới gia đình. Từ năm 2013, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống, còn anh L bỏ nhà đi không rõ lý do từ năm 2015.

Từ năm 2013 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân và từ năm 2015 chị T không có tin tức gì của anh L. Chị T xác định tình cảm không còn, yêu cầu được ly hôn với anh L.

Quá trình xác minh tại địa phương cũng như phía gia đình anh chị cung cấp:

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh L tại tổ 22 phường T, quận L, Hà Nội. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chính vì thế giữa năm 2013 chị T đã bỏ về nhà ngoại sống từ đó đến nay. Năm 2015 anh L bỏ nhà đi đến thời điểm này, địa phương và gia đình anh L cũng không biết anh L ở đâu, làm gì. Nay khả năng anh chị quay về đoàn tụ là khó do anh L không liên lạc gì với chị T và gia đình từ năm 2015 đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, cả hai gia đình đều đồng ý với nguyện vọng của chị T, đề nghị Tòa án cho chị T ly hôn với anh L.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh L như vậy là có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T làm đơn xin ly hôn với anh L là có căn cứ, là nguyện vọng chính đáng, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 22/8/2012.

Khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trà M. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy anh L đang vắng mặt khỏi nơi cư trú, việc giao cháu Trà M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng pháp luật. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con đối với anh L do chị T không có yêu cầu cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

* **Về tài sản chung:** không có yêu cầu và tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

* **Về án phí:** Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm 2 khoản 1 điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Mạnh L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 22/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh L cho đến khi cháu Trà M trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 5087 ngày 17/3/2017 tại Chi cục thi hành án quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Anh Nguyễn Mạnh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

-TAND Tp. Hà Nội

-VKSND q. Long Biên

-Chi cục THADS q. Long Biên

-UBND p.Thượng Thanh - Long Biên - Hà Nội.

- Các đương sự

- Lưu HS

- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Mai Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà